

Số: 786 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 03 tháng 10 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 27/9 – 03/10/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,2 – 27,4°C; Cao nhất: 34,7°C; Thấp nhất: 21,5°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 82 – 88%; Thấp nhất: 55%.
- Tổng số giờ nắng: 51 – 71 giờ. Lượng mưa: 69 - 186 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, có mưa rải rác đến nhiều nơi, rải rác có mưa vừa. Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

**Cây lúa:** Xuống giống 20.577 ha/25.233 ha. Lúa đang ở các giai đoạn: mạ (6.787 ha), đẻ nhánh (11.128 ha), đòng (2.662)

Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thơm 8, ...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Cây con, phát triển thân lá	15.385/17.709
Rau các loại	Các giai đoạn	4.909
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Các giai đoạn	10.415
Xoài	Ra lộc, bông	11.833
Chuối	Các giai đoạn	5.762
Sầu riêng	Ra lộc	3.797
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Điều	Ra lộc	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

## II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

**1. Trên cây lúa:** Các SVH chủ yếu là ốc bươu vàng (OBV) DTN 850 ha tăng 68 ha, bệnh đạo ôn lá DTN 185 ha tăng 20 ha do điều kiện thời tiết âm u, giờ nắng trong ngày ít, có mưa rải rác tạo điều kiện cho bệnh phát triển.

### 2. Cây trồng khác

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Giai đoạn ra lộc lá non, sâu vẽ bùa phát triển mạnh DTN 294 ha tăng 33 ha, bệnh sọc DTN 51 ha tăng 2 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mũ DTN 422 ha tăng 5 ha, bệnh nấm hồng DTN 233 ha giảm 49 ha do nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả.

+ Xoài: Bệnh thán thư DTN 540 ha tăng 109 ha điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh phát triển.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 1.017 ha giảm 39 ha, bệnh chết chậm DTN 947 ha giảm 1 ha do phòng trừ bệnh hiệu quả.

+ Cây điều: Bệnh thán thư DTN 285 ha không thay đổi so với kỳ trước.

+ Cây mì:

Bọ phấn DTN 376 ha tăng 11 ha so với kì trước; Bệnh khảm lá virus DTN 328,2 ha giảm 14 ha do nông dân tiêu hủy diện tích nhiễm nặng theo khuyến cáo của các cơ quan chức năng. Mức độ nhiễm: 51,4 ha nhiễm nhẹ, 103,8 ha nhiễm trung bình, 173 ha nhiễm nặng.

Xuất hiện bệnh thán thư DTN 200 ha do mưa nhiều tạo điều kiện phát triển bệnh.

## III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, Rầy nâu, VL – LXL, bệnh bạc lá (cháy bìa), đạo ôn.

- Cây rau: Sâu tơ, bệnh đốm vàng, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mũ, bệnh thối trái, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh chảy gôm, sâu vẽ bùa (cây có múi); bệnh thối trái (chôm chôm).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh xì mũ, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá, thán thư (mì).

#### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Tăng cường theo dõi diễn biến rầy nâu và kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 2285/SNN-TTBVT, ngày 26/6/2018 về việc Phòng chống bệnh khảm lá mì của Giám đốc Sở NN&PTNT.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trên cây thanh long (đốm nâu), hồ tiêu (chết nhanh, chết chậm), điều (thán thư), thối trái (chôm chôm, sầu riêng).

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /.

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Tú Oanh



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 27/9 đến ngày 03/10/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước	Số CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc	3 - 10		292	2	0	294	0	33.0	99.0	139	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành, Trảng Bom, Vĩnh Cửu
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5 - 10		88	0	0	88	0	32.0	46.0	69	Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Bệnh sẹo	Các giai đoạn	5 - 8		50.5	0.5	0	51	0	2.0	24.0	22	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	10		84	2	0	86	0	0.0	33.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		100	6	0	106	0	39.0	-90.0	40	Trảng Bom, Thống Nhất
Mãng cụt	Giòi đục lá	Ra lá non	10		15	0	0	15	0	15.0	12.0	0	Long Thành
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		20	0	0	20	0	0.0	20.0	0	TX Long Khánh
	Ruồi đục quả	Nuôi trái	2 - 3		15	0	0	15	0	0.0	15.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Chăm sóc	7		35	0	0	35	0	0.0	0.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	3 - 10		422	0	0	422	0	5.0	126.0	128	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		325	0	0	325	0	-4.0	142.0	113	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Long Thành, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 15		233	0	0	233	0	-49.0	82.0	102	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
	Rầy bông	Ra lộc	10		167	0	0	167	0	30.0	-3.0	152	Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	2 - 10	35	74	19	4	97	0	-3.0	-78.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
	Ốc sên	Các giai đoạn	2 - 3		90	0	0	90	0	40.0	90.0	30	Xuân Lộc

Xoài	Bệnh thán thư	Ra bông	7		540	0	0	540	0	109.0	257.0	50	Định Quán, Xuân Lộc
	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		166	0	0	166	0	0.0	146.0	0	Định Quán
	Sâu đục thân	Ra bông	10		100	0	0	100	0	0.0	100.0	20	Xuân Lộc
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc, bông, trái	10		28	0	0	28	0	-2.0	2.0	20	Thống Nhất, Trảng Bom
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	15 - 20		668	7	0	675	0	-27.0	-35.0	39	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	5 - 13		428	12	0	440	0	8.0	51.0	17	Cầm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		435	2	0	437	0	7.0	173.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Rệp sáp	Nuôi trái	13 - 15		235	1	0	236	0	1.0	-62.0	35	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Nuôi trái	15		145	0	0	145	0	-2.0	18.0	36	Cầm Mỹ, Tân Phú, Định Quán
	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		461	0	0	461	0	2.0	213.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
Cao su	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	5 - 20		370	2	0	372	0	44.0	67.0	214	Tân Phú, Cầm Mỹ, Thống Nhất, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		461	0	0	461	0	2.0	213.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 10		413	3	0	416	0	3.0	77.0	19	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh thán thư	Ra lộc	5 - 10		277	8	0	285	0	0.0	-7.0	24	Xuân Lộc, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	16		112	0	0	112	0	2.0	-175.0	0	Cầm Mỹ
	Bọ xít muỗi	Ra lộc	3 - 10		73	3	0	76	0	3.0	-316.0	22	Trảng Bom, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	4 - 15		971	46	0	1017	0	-39.0	257.0	179	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, Long Thành, Định Quán
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 8	15	818	27	102	947	0	-1.0	257.0	406	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	15 - 22	886	15	6	907	0	1.0	379.0	318	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, TX Long

													Khánh, Tân Phú
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 8	22	251	49	5	305	0	-2.0	-195.0	103	Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 5	4 - 15	144	6	3	153	0	8.0	-114.0	65	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Tân Phú, Trảng Bom, Xuân Lộc
Mía	Sâu đục thân	Vuron lóng	5 - 10		140	1	0	141	0	0.0	98.0	0	Nhon Trạch, Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5 - 10		381	0	0	381	0	-22.0	92.0	130	Xuân Lộc, Long Thành, Trảng Bom
	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		376	0	0	376	0	11.0	376.0	0	Long Thành, Xuân Lộc
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	3 - 30	80 - 100	51.4	103.8	173	328.2	0	-14.0	328.2	6	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Nhon Trạch, Trảng Bom
	Bệnh thán thư	Phát triển củ	12		200	0	0	200	0	0.0	200.0	0	Nhon Trạch
	Đốm nâu	Nuôi củ	5		180	0	0	180	0	30.0	60.0	0	Long Thành
Keo	Bệnh chết héo	2 năm	.2 - .5		30	0	0	30	0	5.0	17.0	0	Nhon Trạch
Ngô (Bắp)	Sâu xám	cây con	2 - 5		19	0	0	19	0	5.0	-1.0	6	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Rệp ngô	các giai đoạn	15		9	0	0	9	0	2.0	2.0	6	Thống Nhất, Trảng Bom
Lúa	Ốc bươu vàng	Mạ-đẻ nhánh-đòng	1 - 30	15 - 20	811	9	30	850	0	68.0	200.0	384	Xuân Lộc, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú, Vĩnh Cửu, TX Long Khánh, Long Thành, Thống Nhất
	Bệnh đạo ôn lá	Mạ-đẻ nhánh-đòng	5 - 15		173	12	0	185	0	20.0	-84.0	118	Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, Nhon Trạch, Cầm Mỹ
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh	10		100	0	0	100	0	8.0	-331.0	100	Tân Phú
	Chuột	Mạ-đẻ nhánh-đòng	5		78	0	0	78	0	35.0	25.0	48	Nhon Trạch, Long Thành, Tân Phú
	Rầy nâu	Đẻ nhánh-đòng	3 - 10		22	13	0	35	0	2.0	-66.0	13	Thống Nhất, Trảng Bom
Bầu bí	Bọ trĩ	Các giai đoạn	3 - 30		8	0	0	8	0	0.0	3.0	7	Thống Nhất, Nhon Trạch
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20	30	2	2	0	4	0	-1.0	-6.0	4	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	10	3	0	13	0	-2.0	13.0	5	Trảng Bom, Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	15	4	2.5	0	6.5	0	-2.0	0.5	4	Nhon Trạch, Trảng Bom

Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		11	1	0	12	0	-2.0	-11.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	15	6	2.5	0	8.5	0	-1.0	-4.5	3	Nhơn Trạch, Trảng Bom
Rau cải ăn lá	Bệnh héo xanh	Các giai đoạn	5 - 10		17	0	0	17	0	-1.0	3.8	18	Thống Nhất, Tân Phú, Nhơn Trạch
	Sâu tơ	Các giai đoạn	2 - 10		16	0	0	16	0	-5.0	12.0	10	Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú
Rau cần nước	Bệnh đỏ lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	5.0	5.0	5	Thống Nhất
	Sâu xanh	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	5.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau mồng tơi	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	12		1	0	0	1	0	1.0	1.0	1	TP Biên Hòa
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3.5	0.5	0	4	0	-1.0	-1.0	0	Trảng Bom
Rau thập tự	Bệnh sương mai	Các giai đoạn	15		1	0	0	1	0	0.0	1.0	1	TP Biên Hòa